

NGÔN NGỮ BIỂU ĐẠT PHÁN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ VẤN ĐỀ KINH TẾ QUA TÁC PHẨM “EDIBLE ECONOMICS” CỦA HA-JOON CHANG

LANGUAGE OF JUDGMENT AND APPRECIATION IN ECONOMIC COMMENTS IN “EDIBLE ECONOMICS” BY HA-JOON CHANG

Võ Nguyễn Thùy Trang^{1*}, Trương Lê Bích Trang², Bùi Thị Khánh Uyên¹

¹Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

²Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: vnttrang@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 20/02/2025; Sửa bài / Revised: 03/4/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 08/4/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(5B).077NN

Tóm tắt - Bài báo này khảo sát ngôn ngữ biểu đạt Phán xét và Đánh giá trong các nhận định về vấn đề kinh tế, sử dụng tác phẩm "Edible Economics" của Ha-Joon Chang [1] làm ngữ liệu. Nghiên cứu áp dụng Lý thuyết ngôn ngữ Đánh giá của Martin và White [2] để phân tích các đặc điểm ngữ nghĩa của các nguồn Phán xét và Đánh giá. Phương pháp phân tích sử dụng dữ liệu định tính và định lượng được sử dụng để phân tích các mẫu chứa giá trị Phán xét và Đánh giá. Kết quả cho thấy, tác giả sử dụng đa dạng các phương tiện ngôn ngữ để thể hiện Phán xét và Đánh giá, với xu hướng chính thể hiện ý nghĩa tích cực. Nghiên cứu này góp phần làm rõ cách thức sử dụng ngôn ngữ đánh giá để định hình quan điểm và tạo hiệu ứng diễn ngôn trong diễn ngôn kinh tế.

Từ khóa - Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá; phán xét; đánh giá; tích cực và tiêu cực; kinh tế học

1. Đặt vấn đề

Trong diễn ngôn kinh tế, việc đánh giá con người - dù là cá nhân, tổ chức hay chính phủ - luôn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và truyền tải các lập luận. Những đánh giá này không chỉ ảnh hưởng đến cách người đọc tiếp nhận thông tin, mà còn tác động đến quan điểm của họ về các giá trị kinh tế được đưa ra. Dưới góc độ ngôn ngữ học, phạm trù Phán xét (Judgement) và Đánh giá (Appreciation) trong Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Theory) của Martin và White [2] cung cấp một khung phân tích hữu ích để khám phá cách người viết thể hiện sự đánh giá về năng lực, đạo đức và hành vi của các chủ thể trong các lập luận kinh tế. Martin [3] đã chỉ ra rằng những nguồn ngôn ngữ mang chức năng Phán xét và Đánh giá đóng vai trò quan trọng trong việc định hình quan điểm của người đọc đối với nhân vật hoặc sự kiện được đề cập trong văn bản. Việc áp dụng khung nghĩa đánh giá này vào phân tích các loại văn bản khác nhau đã dần trở nên phổ biến. Trong lĩnh vực báo chí và truyền thông, Duc [4] đã thực hiện một nghiên cứu so sánh giữa các bản tin kinh tế bằng tiếng Anh và tiếng Việt, phân tích cách Phán xét được sử dụng để định hướng quan điểm của độc giả về các sự kiện kinh tế. Hoa và Thao [5] đã áp dụng khung lý thuyết này để nghiên cứu các bài phát biểu của những người đoạt giải Nobel Hòa bình, trong đó tập

Abstract - This paper investigates the language of Judgement and Appreciation in economic comments, using "Edible Economics" by Ha-Joon Chang [1] as the data source. The study has applied Appraisal Theory by Martin and White [2] to analyze the semantic features of Judgement and Appreciation. Analytical methods using qualitative and quantitative data are used to analyze samples containing Judgment and Appreciation. The findings reveal that, the author employs a variety of linguistic means to express Judgement and Appreciation, with a tendency towards expressing positive meanings. This study contributes to understanding how language of evaluation is used to shape viewpoints and create discursive effects in economic discourse.

Key words - Appraisal theory; judgement; appreciation; positive and negative; economics

trung vào cách sử dụng ba phạm trù Phán xét, Đánh giá và Tình cảm để thể hiện thái độ cá nhân và giá trị xã hội. Trương tự, Hien [6] đã nghiên cứu diễn ngôn bình luận về "Hồ sơ Panama" dưới góc nhìn của Lý thuyết Đánh giá, cho thấy rằng các phương thức thể hiện thái độ trong diễn ngôn có thể tác động mạnh mẽ đến cách người đọc tiếp nhận thông tin. Gần đây, Zhang [7] đã mở rộng phạm vi nghiên cứu khi phân tích tài nguyên thái độ trong các bản tin kinh tế của The Economist và All Africa, từ đó làm sáng tỏ cách sử dụng ngôn ngữ biểu đạt sự Phán xét để xây dựng quan điểm về các vấn đề toàn cầu. Một nghiên cứu khác của Zhang và cộng sự [8] đã tập trung vào việc phân tích diễn ngôn của Chat GPT từ góc độ Lý thuyết Đánh giá, cho thấy rằng các nguồn biểu đạt Thái độ, bao gồm Phán xét, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự thuyết phục trong văn bản tự động. Trong bài báo này, các giả định và ý kiến về kinh tế trong tác phẩm "Edible Economics" được lựa chọn là diễn ngôn để khảo sát các nguồn ngôn ngữ biểu đạt Thái độ Phán xét.

Tác phẩm "Edible Economics" của tác giả Ha-Joon Chang [1] mang đến một cách tiếp cận mới mẻ và thú vị đối với kinh tế học. Bằng việc sử dụng các món ăn từ khắp nơi trên thế giới làm ví dụ, tác giả đã giúp người đọc dễ dàng nắm bắt những khái niệm kinh tế vốn thường được xem là khó hiểu. Tác phẩm không chỉ cung cấp những phân tích

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Vo Nguyen Thuy Trang, Bui Thi Khanh Uyen)

² The University of Danang - School of Medicine and Pharmacy, Vietnam (Truong Le Bích Trang)

kinh tế sâu sắc mà còn phản ánh quan điểm của tác giả về con người và các tổ chức tham gia vào nền kinh tế. Ngôn ngữ nhận định về vấn đề kinh tế trong cuốn sách này biểu đạt phạm trù Phán xét và Đánh giá tiêu cực hoặc tích cực thông qua cách biểu đạt tường minh hoặc hàm ẩn, nhằm thuyết phục người đọc về tính hợp lý của các quan điểm được đưa ra. Bài viết này sẽ phân tích các đặc điểm ngữ nghĩa của các nguồn ngôn ngữ mang chức năng Phán xét và Đánh giá hiển ngôn trong những nhận định vấn đề kinh tế trong “Edible Economics”. Thông qua đó, nghiên cứu sẽ làm rõ cách thức tác giả sử dụng ngôn ngữ để xây dựng quan điểm, ảnh hưởng đến nhận thức của người đọc và tạo ra hiệu ứng diễn ngôn trong lĩnh vực kinh tế. Kết quả nghiên cứu đóng góp vào việc cung cấp hiểu biết sâu sắc về việc sử dụng các phạm trù Phán xét và Đánh giá trong ngôn ngữ của các bài bình luận kinh tế, qua đó làm sáng tỏ cách thức các yếu tố này thể hiện thái độ và đánh giá trong các bài viết kinh tế, cũng như việc sử dụng ngôn ngữ đánh giá trong dạy học ngoại ngữ về các vấn đề liên quan đến kinh tế.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Thuyết ngôn ngữ đánh giá

Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá được phát triển bởi Martin và White [2] trình bày bộ khung nghĩa đánh giá, đóng vai trò là cơ sở lý thuyết chính trong việc phân tích văn bản ở nghiên cứu này. Bộ khung bao gồm ba phạm trù chính gồm: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation), và Tham gia (Engagement). Thái độ bao gồm ba tiểu phạm trù: (1) Đánh giá (Appreciation), dùng để đánh giá các giá trị, vẻ đẹp, và chất lượng của các đối tượng, sản phẩm hoặc hiện tượng, (2) Phán xét (Judgment), để đánh giá hành vi hoặc thái độ của con người, và (3) Tình cảm (Affect), dùng để thể hiện cảm xúc của con người. Thang độ chỉ mức độ mạnh hay yếu, cao hay thấp khi đánh giá Thái độ. Tham gia liên quan đến nguồn của các đánh giá, có thể là từ người viết/nói hoặc từ các nguồn khác. Các phương tiện ngôn ngữ đánh giá bao gồm từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm, như câu, cụm từ, từ ngữ, được sử dụng một cách tường minh hoặc ngụ ý để phản ánh các bình diện ngữ nghĩa, đồng thời thể hiện các đánh giá tích cực hay tiêu cực, có thể kết hợp với thang độ trong từng bình diện [9]. Nghiên cứu này tập trung phân tích đặc điểm ngữ nghĩa của các phạm trù Phán xét và Đánh giá, hay nội dung phổ biến hơn cả khi trình bày quan điểm lập luận về một vấn đề kinh tế cụ thể.

2.2. Phạm trù phán xét

Phạm trù “Phán xét” trong lý thuyết ngôn ngữ đánh giá đề cập đến việc đánh giá hành vi và thái độ của con người, gồm: (1) hành vi (+/-), (2) năng lực (+/-), (3) kiên định (+/-), (4) chân thực (+/-), và (5) đạo đức (+/-). Nó phản ánh những đánh giá về tính đúng đắn, khả năng và giá trị đạo đức của một cá nhân, hành động hoặc thái độ trong các tình huống cụ thể. Phán xét phản ánh và hình thành thái độ của người nói/viết đối với các hành vi trong khuôn khổ đạo đức, chuẩn mực xã hội. Phân tích phạm trù này giúp hiểu rõ hơn cách thức sử dụng ngôn ngữ trong việc đánh giá và thể hiện các giá trị xã hội.

2.3. Phạm trù Đánh giá

Phạm trù Đánh giá theo Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá của Martin và White [2] tập trung vào việc đánh giá sự vật, hiện

tượng, và quá trình. Nó cho phép người nói/viết thể hiện quan điểm về chất lượng, giá trị thẩm mỹ, và ý nghĩa của các đối tượng được đánh giá. Phạm trù này bao gồm: (1) Phản ứng để đánh giá sự hấp dẫn, và chất lượng của đối tượng được đánh giá gây ra phản ứng cho chủ thể đánh giá (ví dụ: ấn tượng, nhầm chán); (2) Kết cấu để đánh giá sự hài hòa, mức độ phức tạp hay giản đơn của đối tượng được đánh giá (ví dụ: cân đối, phức tạp); và (3) Giá trị để đánh giá giá trị, hoặc ý nghĩa của đối tượng được đánh giá (ví dụ: quan trọng, tầm thường).

3. Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Đặc điểm ngữ nghĩa của phạm trù Phán xét trong các nhận định vấn đề kinh tế trong tác phẩm Edible Economics là gì?

- Đặc điểm ngữ nghĩa của phạm trù Đánh giá trong các nhận định vấn đề kinh tế trong tác phẩm Edible Economics là gì?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả sử dụng thông tin định tính và định lượng, giải thích về tần suất xuất hiện của các nguồn mang chức năng Phán xét và Đánh giá ở hình thức biểu đạt hiển ngôn, thể hiện các nghĩa tích cực hoặc tiêu cực.

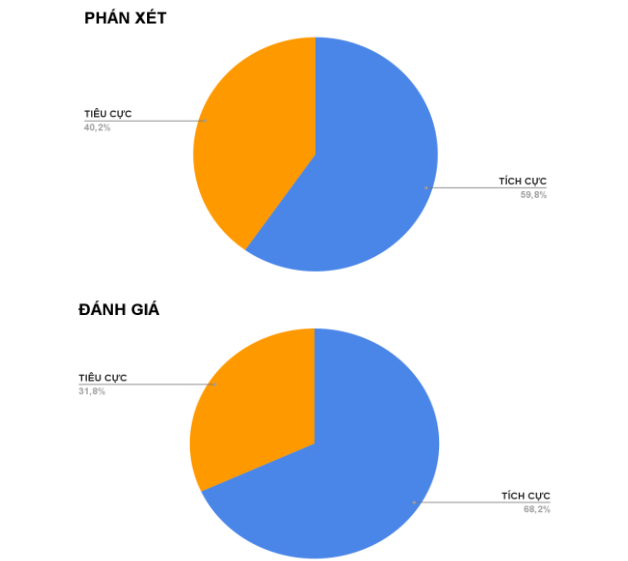
Tác phẩm “Edible Economics” của Ha-Joon Chang là một tác phẩm độc đáo và đã được dịch sang tiếng Việt với tiêu đề “Kinh tế học dễ xơi”. Trong cuốn sách này, tác giả Chang sử dụng những ví dụ quen thuộc từ thế giới ẩm thực - từ các loại hạt, trái cây phổ biến cho đến những món ăn được con người sáng tạo ra - để làm sáng tỏ các khái niệm kinh tế phức tạp liên quan đến nhiều ngành công nghiệp và thương mại quốc tế. Thông qua cách tiếp cận này, từng chương trong tác phẩm giúp người đọc dễ dàng tiếp cận và hiểu được những nguyên tắc nền tảng điều hành nền kinh tế hiện đại. Bài viết chỉ phân tích trong phạm vi nhận định về kinh tế trong tác phẩm, không xét đến các phần câu chuyện về ẩm thực.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả thống kê

Kết quả phân tích, thống kê cho thấy, có tổng cộng 89 nguồn ngôn ngữ thể hiện giá trị Phán xét và 157 nguồn mang chức năng Đánh giá hiển ngôn. Thông tin thống kê chi tiết về nguồn đánh giá thể hiện phạm trù Phán xét và Đánh giá phân chia theo các hạng mục nghĩa tích cực và tiêu cực được trình bày trong Hình 1.

Nhìn vào Hình 1, về Phán xét, tần suất xuất hiện các giá trị Tích cực (59,8%) cao hơn so với các giá trị tiêu cực (40,2%) trong tổng số nguồn ngôn ngữ Phán xét được khảo sát. Điều này cho thấy, xu hướng chung của văn bản nghiêng về những nhận xét tích cực về hành vi và tính cách cá nhân, tổ chức là chủ thể được nêu ra trong các nhận định kinh tế. Tương tự đối với phạm trù Đánh giá, tỷ lệ giá trị Tích cực cũng được ghi nhận cao hơn đáng kể so với giá trị Tiêu cực. Trong đó, nguồn mang nghĩa Tích cực (68,2%) và nguồn Tiêu cực (31,8%), chỉ bằng một phần ba tổng số các nguồn ngôn ngữ Đánh giá được thu thập. Điều này thể hiện rằng nhiều đánh giá tốt được đưa ra khi đề cập đến các sự vật, quá trình và hiện tượng kinh tế. Nhìn chung, cả hai phạm trù Phán xét và Đánh giá đều có xu hướng thể hiện mặt nghĩa Tích cực dưới hình thức hiển ngôn.



Hình 1. Phân bố tần suất chi tiết số nguồn biểu thị giá trị *Phân xét* và *Đánh giá* theo nghĩa *Tích cực* và *Tiêu cực*

4.2. **Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị *Phân xét***

Trong các nét nghĩa *phân xét*, “*Năng lực*” được đề cập với tần suất nhiều nhất, thể hiện thái độ đánh giá tập trung vào khả năng hành động, năng lực xử lý trong môi trường kinh doanh, thương mại của các đối tượng được đánh giá.

Bảng 1. Sự phân bố các tiểu phạm trù thuộc *Phân xét*

	Hành vi	Năng lực	Kiên định	Chân thực	Đạo đức	Tổng %
(+)	2,1	47,2	6,3	0	4,2	59,8
(-)	2,5	30,1	2,1	2,1	3,4	40,2

4.2.1. **Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị *Phân xét tích cực***

Xét các ví dụ sau:

(1) When you acquire **higher productive capabilities** through industrialization, you can **overcome the constraints** that nature has put on you in the most ‘magical’ ways. ([1, tr.46]).

(2) ..., when you look more closely HMC’s success story is not just – or not even mainly – about the **individual brilliance of the heroic entrepreneurs** ([1, tr.57]).

(3) Japan was the world’s **biggest exporter** of silk ([1, tr.50]).

Bảng 2. Bảng phân tích ví dụ biểu hiện nguồn *Phân xét tích cực*

VD	Nguồn <i>Phân xét</i>	Đối tượng được đánh giá	Tiểu phạm trù
(1)	high productive capabilities overcome the constraints	You	Năng lực (capacity)
(2)	the individual brilliance of the heroic entrepreneur	Entrepreneur	Sự kiên trì (tenacity)
(3)	the world’s biggest exporter	Japan	Năng lực (capacity)

Các cụm từ “*higher productive capabilities*”, “*heroic entrepreneurs*” hay “*biggest exporter*” đều mang ý nghĩa nhận xét tích cực về năng lực của một cá nhân hay đất nước trong việc vượt qua các khó khăn hoặc phát triển trong một lĩnh vực kinh tế. Cụ thể hơn, từ “*heroic*” (quả cảm) gợi lên hình ảnh những người dũng cảm, dám nghĩ dám làm, có

ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế. Việc nhận xét Nhật Bản đã trở thành “*biggest exporter*” nhấn mạnh khả năng, vị thế kinh tế và sức mạnh thương mại của Nhật Bản trong ngành công nghiệp tơ lụa toàn cầu.

4.2.2. **Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị *Phân xét tiêu cực***

Một số ví dụ về nguồn *Phân xét Tiêu cực*:

(4) This **low productivity** is, in turn, not even mainly due to the qualities of individual workers, such as their education level or health ([1, tr.38]).

(5) Under free trade, the **inefficient, immature producers** in new industries will quickly get wiped out by **superior, bigger** foreign competitors ([1, tr.51]).

(6) However, in an age of deregulated finance and **impatient shareholders**, it is turning into an obstacle to, rather than a vehicle for, economic progress ([1, tr.124]).

Các câu trên sử dụng các từ ngữ mang ý nghĩa *Phân xét* để đánh giá các chủ thể kinh tế người lao động (worker), nhà sản xuất (producers), cổ đông (shareholders) thông qua các tiêu chí năng suất (productivity) và các đặc điểm về năng lực và tính cách như không hiệu quả (inefficient) hay thiếu nhẫn nại (impatient). Đặc biệt ở ví dụ (5), ngoài việc dùng các tính từ để mô tả về của các nhà sản xuất trong các ngành công nghiệp mới thì cụm từ “*get wiped out*” cùng với những những cụm từ tích cực “*superior, bigger*” về các đối thủ cạnh tranh nước ngoài cũng làm nổi bật về sự yếu kém về năng lực của những doanh nhân non trẻ trong lĩnh vực này.

Bảng 3. Bảng phân tích ví dụ biểu hiện nguồn *Phân xét tiêu cực*

VD	Nguồn <i>Phân xét</i>	Đối tượng được đánh giá	Tiểu phạm trù
(4)	low productivity	Workers	Năng lực (capacity)
(5)	inefficient, immature	Producers	Năng lực (capacity)
(6)	impatient	Shareholders	Sự kiên trì (tenacity)

4.3. **Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị *Đánh giá***

Tương tự *Phân xét*, các nguồn ngôn ngữ mang chức năng *Đánh giá* cũng thể hiện cả thái độ tích cực và tiêu cực về các hiện tượng kinh tế, đặc điểm của các chính sách và đối tượng liên quan. Phạm trù *Giá trị* được sử dụng với tần suất cao nhất.

Bảng 4. Sự phân bố các tiểu phạm trù thuộc *Đánh giá*

	Chất lượng	Kết cấu	Giá trị	Tổng(%)
(+)	4,2	6,9	57,1	68,2
(-)	4,1	12,5	15,2	31,8

4.3.1. **Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị *Đánh giá tích cực***

Xem xét một số ví dụ:

(7) silk was the country’s **biggest export item** ([1, tr.50]).

(8) Even so, some found the sale of such a **valuable** ‘public purpose’ technology as Golden Rice to a profit-making firm unacceptable ([1, tr.63]).

(9) The absurdity of not counting non-marketed care work can be seen if you do a **simple** thought experiment ([1, tr.107]).

Ở ví dụ (7), đây chính là một câu nối tiếp sau và có nghĩa tương đương với ví dụ (3). Tuy nhiên, thay vì sử

dùng những từ ngữ mang tính Phán xét với mục đích phân tích về năng lực của chủ thể “Japan” (3) thì ví dụ (7) tập trung vào đánh giá giá trị (valuation) của tơ lụa đối với nền kinh tế Nhật Bản khi trở thành mặt hàng xuất khẩu dẫn đầu tại đất nước này vào năm những năm 1950. Bên cạnh đó, ví dụ (9) sử dụng tính từ “simple” thuộc tiểu phạm trù Kết cấu (Composition) để nhấn mạnh việc nhận ra sự phi lý trong việc chăm sóc mà không trả lương có thể dễ dàng thông qua một thử nghiệm tư duy đơn giản; từ đó, khuyến khích người đọc suy nghĩ về vấn đề và nhận ra tầm quan trọng của công việc ngoài giờ không lương.

Bảng 3. Bảng phân tích ví dụ biểu hiện nguồn Đánh giá tích cực

VD	Nguồn Đánh giá	Đối tượng được đánh giá	Tiểu phạm trù
(7)	biggest export item	Silk	Giá trị (Valuation)
(8)	valuable	Technology	Giá trị
(9)	simple	Experiment	Kết cấu (Composition)

4.3.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của giá trị Đánh giá tiêu cực

Bên cạnh những đánh giá tích cực, chắc hẳn vẫn sẽ tồn tại những điều tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế cần được đưa ra xem xét và phổ biến tới công chúng, nhất là đối với độc giả của cuốn sách này và tác giả đã truyền tải những nội dung trên qua việc đánh giá đặc điểm của các hiện tượng và đối tượng gây ra những tác động xấu đối với các thành phần trong một nền kinh tế. Xét ví dụ tiêu biểu sau:

(10) As for the famous Confucian zeal for education, the education that was traditionally emphasized was what was needed for the civil service exam – political philosophy and poetry. These are **not directly useful** for economic development ([1, tr.26]).

(11) But the way it does defies **simplistic** stereotyping that is so common; ... ([1, tr.28]).

(12) ..., as strawberry harvesting is one of **the lowest-paid, most difficult and thus least desirable farm work** in California. ([1, tr.127]).

Bảng 5. Bảng phân tích ví dụ biểu hiện nguồn Đánh giá tiêu cực

VD	Nguồn Đánh giá	Đối tượng được đánh giá	Tiểu phạm trù
(10)	not directly useful	political philosophy and poetry	Giá trị (Valuation)
(11)	simplistic	stereotyping	Kết cấu (Composition)
(12)	the lowest-paid, most difficult and thus least desirable farm work	strawberry harvesting	Chất lượng (Reaction)

Ở ví dụ (10), cụm phủ định “not directly useful” chỉ rõ việc những triết lý cũ không còn ảnh hưởng quá sâu sắc đến việc phát triển kinh tế ở thời đại sau này. Tuy vẫn còn một phần giá trị ở những khía cạnh khác, nhưng những yếu tố trên không còn đóng góp trực tiếp vào sự đi lên của một đất nước trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, ở ví dụ (12), có thể thấy, công việc thu hoạch dâu (strawberry harvesting) được đánh giá là không mang lại thu nhập đáng kể và khó khăn nhất ở California. Câu này sử dụng các từ ngữ mang ý nghĩa Đánh giá tiêu cực để nhấn mạnh tính chất khó khăn, vất vả và kém hấp dẫn của công việc này; đồng thời, cũng

giải thích lý do vì sao công việc thu hoạch dâu tây thường được thực hiện bởi những người lao động nhập cư có thu nhập thấp.

4.4. Thảo luận

Với mục tiêu khảo sát và phân tích ngôn ngữ biểu đạt Phán xét và Đánh giá trong tác phẩm “Edible Economics”, bài nghiên cứu đã sử dụng cách tiếp cận định tính, phân tích ngữ nghĩa văn bản và thống kê thông tin định lượng để chỉ ra xu hướng lựa chọn ngôn ngữ mang chức năng đánh giá của tác giả. Kết quả phân tích cho thấy, tác giả sử dụng đa dạng các phương tiện ngôn ngữ để thể hiện Phán xét và Đánh giá, với xu hướng chính thể hiện ý nghĩa tích cực, kết quả này tương đồng với kết quả của các công trình [5] - [8]. Khi phân tích các vấn đề kinh tế, việc sử dụng các phạm trù Phán xét và Đánh giá không chỉ giúp làm rõ các quan điểm của tác giả mà còn tạo ra những phân tích sâu sắc về các vấn đề kinh tế, đồng thời phản ánh thái độ của tác giả đối với các cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế. Điều này góp phần định vị quan điểm và thuyết phục người đọc (độc giả), đồng thời khuyến khích họ đặt câu hỏi về các câu chuyện kinh tế phổ biến.

5. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu này đã phân tích các đặc điểm ngữ nghĩa của các nguồn ngôn ngữ mang chức năng Phán xét và Đánh giá trong các nhận định về kinh tế của tác phẩm “Edible Economics”. Kết quả cho thấy, tác giả Ha-Joon Chang đã sử dụng các nguồn ngôn ngữ thể hiện giá trị Phán xét và Đánh giá chủ yếu theo nghĩa Tích cực một cách linh hoạt và hiệu quả để thể hiện quan điểm, tạo sức thuyết phục và ảnh hưởng đến nhận thức của người đọc về các vấn đề kinh tế. Các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng đa dạng, bao gồm các cấu trúc câu, cụm từ và từ ngữ, với sự phân bố không đồng đều giữa các giá trị tích cực và tiêu cực. Nhóm tác giả hy vọng nghiên cứu có thể đóng góp vào việc tìm hiểu cách thức sử dụng ngôn ngữ trong diễn ngôn kinh tế, đồng thời cung cấp thêm bằng chứng về tính ứng dụng của Lý thuyết Đánh giá trong phân tích văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] H. J. Chang, *Edible Economics*, Penguin Books Ltd: The UK, 2003.
[2] J. R. Martin, and P. R. R. White, *The language of evaluation: Appraisal in English*. NY: Palgrave Macmillan, 2005.
[3] J. R. Martin, “Reading Positions/ Positioning Readers: JUDGEMENT in English”, *Journal of Australian TESOL*, vol. 10, no. 2, pp. 27-37, 1995.
[4] V. D. Duc, “Language and Ideology in English and Vietnamese business hard news reporting - A comparative Study”, *The Southeast Asian Journal of English Language Studies*, vol.19, no. 2, pp. 1-12, 2013.
[5] N. T. Q. Hoa and N. T. P. Thao, “An investigation into “Affect”, “Judgement” and “Appreciation” in English speeches by Nobel Peace Prize Laureates”, *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 18, no. 12, pp. 47-52, 2020.
[6] N. T. T. Hien, “Modes of expressing attitudes in the commentary on the “Panama papers” from Appraisal perspective”, *Ho Chi Minh City Journal of Social Sciences*, vol. 12, no. 220, pp. 25-32, 2020.
[7] A. Zhang, “Discourse Analysis of Attitude Resources in News Discourse from the Perspective of Appraisal Theory: A Case Study of The Economist and AllAfrica on the Belt and Road Initiative”, *Studies in English Language Teaching*, vol. 12, no. 4, pp. 100-111, 2024.
[8] H. Zhang, L. Zhang, H. Nian, and L. Zhang, “Positive Discourse Analysis of Attitude Resources in Chat GPT News Discourse from the Perspective of Appraisal Theory”, *Lecture Notes on Language and Literature*, vol. 7, no. 3, pp. 61–66, 2024.
[9] J. R. Martin and D. Rose, *Working with Discourse: Meaning Beyond the Clause*, London: Continuum, 2023.